

# HÀNH VI NGÔN NGỮ TRÁCH TRONG CA DAO VIỆT NAM

Đỗ Thị Thu Hương<sup>1</sup>, Nguyễn Thu Hương<sup>2</sup>, Nguyễn Thị Vân<sup>3</sup>

**Tóm tắt:** Trong ca dao Việt Nam, hành vi ngôn ngữ trách được sử dụng khá phổ biến nhưng chưa được nghiên cứu một cách hệ thống. Bài viết này nhằm mục đích nhận diện, phân loại, phân tích một số hành vi trách trực tiếp, trách gián tiếp trong ca dao Việt Nam. Ngữ liệu thu thập được gồm 295 bài ca dao có xuất hiện hành vi ngôn ngữ trách. Bằng các phương pháp miêu tả, phương pháp phân tích kết hợp với thủ pháp thống kê phân loại, bài viết đã tiến hành phân loại các hành vi ngôn ngữ trong ca dao Việt Nam thành hai nhóm: trách trực tiếp và trách gián tiếp, đồng thời phân tích chi tiết các đặc điểm của hành vi ngôn ngữ trách như chủ đề trách, biểu thức ngữ vi của hành động trách, các thành tố trong biểu thức ngữ vi, lực ngôn trung hàm ẩn trong hành vi trách gián tiếp, hiệu quả nghệ thuật của hành vi ngôn ngữ trách trực tiếp và trách gián tiếp trong ca dao Việt Nam.

**Từ khoá:** hành vi ngôn ngữ, trách, trực tiếp, gián tiếp, ca dao Việt Nam

## 1. MỞ ĐẦU

Trong hoạt động giao tiếp, ngôn ngữ không chỉ dùng để thông báo mà còn thực hiện hành động. Theo quan điểm của Austin (1962) và Searle (1969,1975), mỗi phát ngôn đều là một hành động ngôn ngữ trong đó chứa một lực ngôn trung nhất định. Trong hệ thống các hành vi ngôn ngữ biểu cảm, hành vi “trách” là một hành vi ngôn ngữ đặc thù, là hành vi đe dọa thể diện của những người cùng tham gia giao tiếp.

Ca dao Việt Nam là không gian diễn ngôn giàu tính tương tác, nơi chủ thể trữ tình thực hiện nhiều hành vi ngôn ngữ đa dạng, trong đó hành vi ngôn ngữ “trách” được sử dụng khá phổ biến. Tuy nhiên, phần lớn các công trình trước đây chủ yếu tiếp cận “trách” từ góc độ nội dung, mà chưa xem xét nó như một hành vi ngôn ngữ với cấu trúc và chiến lược dụng học riêng. Trong khuôn khổ bài viết, nghiên cứu này được giới hạn dựa trên nguồn ngữ liệu gồm 295 câu ca dao có chứa hành vi *trách* do người viết thống kê và thu thập được từ *Tuyển tập tục ngữ ca dao* của Vũ Ngọc Phan (Nxb Văn học 2021), chưa bao gồm các dị bản địa phương hoặc các biến thể truyền miệng chưa được ghi chép lại. Từ góc độ ngữ dụng học, bài viết này hướng đến việc nhận diện và phân tích hành vi ngôn ngữ “trách” trong ca dao Việt Nam, nhằm làm rõ bản chất hành vi, phân loại các kiểu cấu trúc, đặc điểm của các thành tố trong cấu trúc của hành vi trách. Gắn với đặc trưng của

<sup>1</sup> Trường ĐHSP Hà Nội 2

<sup>2</sup> Trường THPT Hữu Nghị Quốc tế

<sup>3</sup> Trường TH&THCS Thực nghiệm Victory

thể loại ca dao - một kiểu diễn ngôn giàu tính văn học, những phân tích về hành vi trách trong bài viết còn làm rõ hiệu quả nghệ thuật của hành vi này trong ca dao Việt Nam.

### **1.1. Tổng quan nghiên cứu**

Liên quan đến hành vi ngôn ngữ nói chung, hành vi ngôn ngữ trách nói riêng đã có nhiều công trình nghiên cứu cả về lí thuyết và ứng dụng. Trên thế giới, người đặt nền móng cho lí thuyết về hành vi ngôn ngữ là Austin (1962), sau đó lí thuyết này được mở rộng và phát triển bởi các tác giả Searle J.R (1969, 1975), Wierzbicka A. (1987), Yule G. (1996)... Ở Việt Nam, những người đầu tiên nghiên cứu một cách hệ thống, bài bản về ngữ dụng học nói chung, lí thuyết về hành vi ngôn ngữ nói riêng là Nguyễn Đức Dân (1998), Đỗ Hữu Châu (2001)... Các công trình lí thuyết của hai ông đã đặt nền móng cho những nghiên cứu mang tính ứng dụng về hành vi ngôn ngữ nói chung, hành vi ngôn ngữ trách nói riêng. Có thể nói, cho đến nay, những nghiên cứu về hành vi ngôn ngữ nói chung ở Việt Nam đã đạt được những thành tựu đáng kể. Hầu như các hành vi ngôn ngữ trong giao tiếp của người Việt đã được nghiên cứu, chẳng hạn Nguyễn Văn Quang (1999), Đặng Thị Hào Tâm (2003, 2010), Hà Thị Hải Yến (2006), Nguyễn Thị Hoàng Yến (2007), Vũ Tố Nga (2010), Nguyễn Thị Huệ (2013),... Hành vi ngôn ngữ trách cũng được một số tác giả quan tâm. Đặng Thị Mai Hồng (2001) bàn về hiện tượng trách móc trong ca dao Quảng Bình; Nguyễn Thu Hạnh (2004) nghiên cứu về hành vi trách và sự kiện lời nói trách trong tiếng Việt, chỉ ra điều kiện sử dụng hành vi trách, chỉ ra biểu thức ngôn hành của hành vi trách, bàn về hành vi trách gián tiếp...; Phan Thị Việt Anh (2009) xem xét hành vi trách ở các đặc điểm như: các biểu thức ngôn hành trách, các kiểu trách trực tiếp và gián tiếp, vấn đề lịch sự và vấn đề giới trong lời trách trực tiếp và lời trách gián tiếp... Gần đây nhất, Nguyễn Thu Hạnh (2022) đã xem xét hệ thống về hành vi trách trong tiếng Việt ở các khía cạnh trách trực tiếp, trách gián tiếp, biểu thức ngữ vi của hành vi trách trực tiếp và trách gián tiếp, trên cơ sở đó, tác giả đã phân tích việc sử dụng hành vi trách của giáo viên trong môi trường sư phạm.

Như vậy, có thể thấy, các nghiên cứu về hành vi ngôn ngữ nói chung, hành vi trách nói riêng đã đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận. Kế thừa các kết quả nghiên cứu nói trên, bài viết này tiếp tục đào sâu về hành vi ngôn ngữ trách trong ca dao Việt Nam. Các câu hỏi nghiên cứu đặt ra là: Có những kiểu hành vi ngôn ngữ trách nào trong ca dao Việt Nam? Biểu thức ngữ vi của hành vi trách trong ca dao Việt Nam có cấu trúc như thế nào? Việc sử dụng hành vi ngôn ngữ trách trực tiếp và trách gián tiếp mang lại những hiệu quả nghệ thuật nào cho ca dao - loại hình diễn xướng dân gian giàu màu sắc biểu cảm của người Việt?

### **1.2. Phương pháp nghiên cứu**

Nghiên cứu về hành vi trách trong ca dao Việt Nam, bài viết sử dụng phương pháp miêu tả, phương pháp phân tích, phương pháp định lượng kết hợp với thủ pháp thống kê phân loại. Ngữ liệu phục vụ bài viết được thu thập từ cuốn *Tục ngữ ca dao Việt Nam* của

Vũ Ngọc Phan. Trước hết, thủ pháp thống kê phân loại được sử dụng để khảo sát hành vi ngôn ngữ trách theo từng chủ đề (ca dao than thân, ca dao về tình yêu đôi lứa, ca dao về tình cảm gia đình...), kết quả đã thu thập được 295 bài ca dao có sử dụng hành vi ngôn ngữ trách. Sau đó, chúng tôi phân loại hành vi ngôn ngữ trách trong ngữ liệu thu thập được thành hai nhóm: Nhóm sử dụng hành vi ngôn ngữ trách trực tiếp và hành vi ngôn ngữ trách gián tiếp. Phương pháp định lượng được sử dụng trong một số trường hợp nhằm mô tả về số lượng, tần số xuất hiện hành vi ngôn ngữ trách theo từng chủ đề. Cuối cùng, phương pháp miêu tả và phương pháp phân tích được sử dụng để miêu tả, phân tích chi tiết về chủ đề trách, đặc điểm của các thành tố trong biểu thức ngữ vi của hành vi ngôn ngữ trách trong ca dao Việt Nam. Phương pháp tổng hợp được sử dụng nhằm rút ra những kết luận khái quát về hành vi ngôn ngữ trách trong ca dao Việt Nam.

## 2. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

### 2.1. Một số vấn đề lí thuyết và hành vi ngôn ngữ trách trong tiếng Việt

#### 2.1.1. Khái niệm hành vi ngôn ngữ trách

Từ điển tiếng Việt giải thích, trách có nghĩa “tỏ lời không bằng lòng về người có quan hệ gần gũi nào đó, cho là đã có hành vi, thái độ không đúng, không hay, không tốt đối với mình hoặc có liên quan đến mình. Trách bạn không giúp mình. Trách khéo. Than thân trách phận” [4, tr.1001].

Chúng tôi quan niệm về hành vi ngôn ngữ trách như sau: Trách là hành vi người nói (S) dùng lời nói của mình để bày tỏ thái độ không bằng lòng về người có liên quan đến mình, khi người đó đã có hành vi, thái độ, hoặc ứng xử không tốt đối với S. Hành vi ngôn ngữ trách thuộc nhóm biểu cảm theo cách phân loại của Searle (1969) và là hành vi đe dọa đến thể diện âm tính của người tiếp nhận.

#### 2.1.2. Điều kiện sử dụng hành vi ngôn ngữ trách

Theo Nguyễn Thu Hạnh (2022) [4] hành vi trách muốn thực hiện được phải đáp ứng bốn điều kiện sau đây:

Điều kiện nội dung mệnh đề: tồn tại một hành vi A là lỗi mà H đã thực hiện trước đó.

Điều kiện chuẩn bị: S biết về A và có những chứng cứ cho rằng A không đúng/không tốt/không hợp lí. Nếu S không nói ra, tức không thực hiện hành vi trách, thì có khả năng H không nhận thức được rằng A không tốt/không đúng/không hợp lí và A có thể đưa đến bất lợi cho H.

Điều kiện chân thành: S bày tỏ thái độ không hài lòng về A của H.

Điều kiện căn bản: Nhằm hướng H nhận ra A không có lợi để điều chỉnh/không lặp lại [4].

#### 2.1.3. Tiêu chí nhận diện hành vi trách

Nguyễn Thu Hạnh trong [4] đã đề xuất bộ tiêu chí nhận diện hành vi trách như sau:

- Về ngữ nghĩa: Cần căn cứ vào các thành tố trong biểu thức ngôn hành của hành vi trách, gồm: Chủ thể trách, động từ ngôn hành trách, đối tượng tiếp nhận hành vi trách và nội dung mệnh đề trách để xác định hành vi trách trong những ngữ cảnh cụ thể.

- Về hình thức: hành vi trách được xác định nhờ một số dấu hiệu hình thức như: sử dụng động từ ngôn hành trách; một số kiểu câu: *sao?*, *sao thế?*, *không ...à, không ... ư?...;* các dấu hiệu ngôn ngữ như: *đáng lẽ/nhẽ ... phải, đáng lẽ..., sao..., sao lại...*

- Về thái độ của S (điều kiện chân thành): S tỏ thái độ không hài lòng về A để H phải để tâm đến thái độ/ý kiến của S.

- Về ngữ điệu của S khi thực hiện hành vi: Khi thực hiện hành vi trách, S có thể hơi lên giọng, hơi nhấn giọng, nhưng không gay gắt.

- Về ngữ cảnh và các yếu tố khác

Bài viết kế thừa bốn tiêu chí (về ngữ nghĩa, hình thức, thái độ của S và ngữ cảnh) trong bộ tiêu chí này để nhận diện hành vi ngôn ngữ trách trong ca dao Việt Nam. Lí do là vì ca dao được ghi chép lại để lưu giữ nên yếu tố ngữ điệu bị loại bỏ. Trong bốn tiêu chí nói trên, tiêu chí ngữ nghĩa giữ vai trò trung tâm bởi nó phản ánh trực tiếp hành vi trách là sự đánh giá không tích cực của chủ thể trách đối với hành vi của H. Tuy nhiên, để xác định đầy đủ lực ngôn trung của hành động trách trong một biểu thức ngôn ngữ, cần kết hợp với tiêu chí điều kiện chân thành, tức thái độ không hài lòng của S đối với H. Trong nhiều trường hợp, tiêu chí về hình thức lại có giá trị quyết định khi biểu thức ngôn ngữ sử dụng động từ ngữ vi *trách*, hoặc các dấu hiệu ngôn ngữ như *sao, sao lại, đáng lẽ,...* Ngoài ra, tiêu chí về ngữ cảnh cũng đóng vai trò hỗ trợ, giúp tăng độ tin cậy trong những trường hợp cụ thể.

#### 2.1.4. Phân biệt hành vi **trách, chê, oán, than**

Qua thu thập và phân tích ngữ liệu, chúng tôi nhận thấy ranh giới giữa các hành vi *trách, chê, oán* và *than* khá mờ nhạt. Vì vậy, việc vạch ra ranh giới giữa các hành động này là cần thiết.

Các hành vi ngôn ngữ *chê, trách, oán, than* phân biệt ở một số điểm sau đây:

- Về nghĩa từ vựng:

+ *Chê*: tỏ ra không thích, không vừa ý vì cho là kém, là xấu [8, tr.159]

+ *Trách*: tỏ lời không bằng lòng về người có quan hệ gần gũi nào đó, cho là đã có hành vi, thái độ không đúng, không tốt, không hay với mình [8, tr.1001]

+ *Oán*: Giận nung nấu trong lòng người đã gây hại cho mình. Oán kẻ vu cáo đến tận xương tuỷ [8, tr.742]

+ *Than*: thốt lên lời cảm thương cho nỗi đau khổ, bất hạnh của mình. Than thân trách phận. [8, tr.895]

Như vậy, có thể thấy, cả 4 hành vi *chê, trách, oán, than* đều là những hành vi tiêu cực, đe dọa thể diện người tham gia giao tiếp. Trong đó, *chê* hướng tới đối tượng mà

người nói cho là kém, là xấu. *Trách* hướng đến đối tượng đã gây cho người nói một hành động không đúng, không tốt, khiến S phải chịu hậu quả. *Oán* là hành động biểu thị sự tức giận của người nói với đối tượng đã gây hại cho người nói. *Than* là hành vi ngôn ngữ tự bộc phát của người nói khi muốn bày tỏ nỗi đau khổ hay bất hạnh của mình.

- Về nội dung mệnh đề và đối tượng *chê, trách, oán, than*

+ *Chê*: nội dung mệnh đề là tồn tại đặc điểm A kém/xấu thuộc về H. Đối tượng *chê* là sự việc, hành động, thái độ của H mà S cho là kém, xấu.

+ *Trách*: nội dung mệnh đề là A đã có hành động, cư xử không đúng/không tốt với H. Đối tượng *trách* là những lỗi lầm mà H đã gây ra cho S.

+ *Oán*: nội dung mệnh đề là H đã có hành động sai trái, gây hại cho S khiến S phải gánh chịu hậu quả nặng nề. Đối tượng *oán* chính là H.

+ *Than*: nội dung mệnh đề là nỗi đau khổ, bất hạnh mà S đang phải gánh chịu. Khác với *chê, trách, oán*, đối tượng mà *than* hướng đến thường không rõ ràng. S *than* là nhằm bày tỏ tình cảm, nỗi niềm đau khổ, bất hạnh mà S đang phải chịu đựng.

Như vậy, sự khác nhau về nội dung mệnh đề và đối tượng *chê, trách, oán, than* khá rõ ràng. Các hành vi ngôn ngữ *chê, trách, oán* đều hướng đến một đối tượng cụ thể, trong khi *than* chủ yếu nhằm bộc lộ tình cảm, cảm xúc của chủ thể S, đối tượng hướng đến không cụ thể.

- Về đích ở lời và độ mạnh yếu

+ *Chê*: S thể hiện thái độ không ưa/không thích

+ *Trách*: S thể hiện thái độ không hài lòng

+ *Oán*: S thể hiện thái độ tức giận

+ *Than*: S bày tỏ tình cảm, cảm xúc về tình cảnh của mình

Như vậy, trong 4 hành vi ngôn ngữ nói trên, *oán* là hành vi có hiệu lực ở lời mạnh nhất. *Trách* là hành vi có hiệu lực ở lời yếu hơn so với *chê* và *oán*.

## **2.2. Lí thuyết lịch sự của Brown P. và Levinson S.C và hàm ý hội thoại**

### **2.2.1 Lí thuyết lịch sự của Brown P. và Levinson S.C**

Liên quan đến hành vi ngôn ngữ *trách* trong ca dao Việt Nam, không thể không đề cập đến phép lịch sự hội thoại. Trong số các nghiên cứu về phép lịch sự thì những nghiên cứu về lịch sự của Brown và Levinson (1987) được xem là nhất quán nhất và ảnh hưởng rộng rãi đối với những nghiên cứu về lịch sự hội thoại. Khái niệm hạt nhân trong phép lịch sự hội thoại của Brown và Levinson là thể diện. Theo Đỗ Hữu Châu, Thể diện là “hình ảnh về ta công – cộng mà mỗi thành viên trong xã hội muốn có được” [2, tr.264]. Brown và Levinson (1987) đã phân chia thể diện thành thể diện dương tính và thể diện âm tính. Thể diện âm tính là mong muốn không bị can thiệp, mong muốn được hành động tự do theo cách mình lựa chọn, nói cách khác, nó là quyền tự do hành động mà không bị

can thiệp. Thể diện dương tính là cái được phản ánh trong ý muốn mình được ưa thích, tán thưởng, đánh giá cao, nói cách khác, nó là cái nhu cầu được chấp nhận, thậm chí được yêu thích bởi người khác, được đối xử như là thành viên của cùng một nhóm xã hội và nhu cầu được biết rằng mong muốn của mình cũng được người khác chia sẻ [2, tr.264]. Nói đơn giản thì thể diện âm tính là nhu cầu được độc lập, còn thể diện dương tính là nhu cầu được liên thông với người khác [2, tr.264]. Hai thể diện âm tính và dương tính là hai mặt bổ sung cho nhau, chúng có quan hệ cộng sinh. Nghĩa là, một sự vi phạm thể diện âm tính cũng đồng thời làm mất thể diện dương tính.

### 2.2.2. Hàm ý hội thoại

Theo Đỗ Hữu Châu, “hàm ngôn là những hiểu biết hàm ẩn có thể suy ra từ nghĩa tường minh. Nếu không có ý nghĩa tường minh và tiền giả định của nó, không thể suy ra được hàm ngôn thích hợp” [2, tr.367]

George Yule (1976) chia hàm ý thành hai loại: hàm ý hội thoại và hàm ý quy ước. Hàm ý hội thoại được chia thành hai loại: hàm ý hội thoại dùng chung và hàm ý hội thoại dùng riêng. “Khi không phải kiến thức nền riêng biệt được viện đến trong ngữ cảnh đó để giải đoán cái ý nghĩa được phụ thêm được truyền đạt thì được gọi là hàm ý hội thoại dùng chung” [9, tr.84]. Hàm ý hội thoại dùng riêng là những hàm ý được suy diễn tùy thuộc vào những ngữ cảnh riêng biệt, những hàm ý này phổ biến hơn cả (9; 88). Hàm ý quy ước là hàm ý liên quan đến những từ riêng biệt và được rút ra từ những ý nghĩa phụ thêm có được truyền đạt khi những từ này được dùng. [9, tr.92]

Theo Grice, hàm ý hội thoại là khi chúng ta nói một điều này, thật ra chúng ta muốn nói một điều khác. Vậy hàm ý là nói những lời nói nào đó có phần không đầy đủ, không bình thường mà nguyên nhân là thiếu đi hoặc còn thiếu một nội dung nào đó, chính cái nội dung này là hàm ý mà người nghe phải suy luận mà đoán ra [7, tr.43-44]. Hàm ý hội thoại phụ thuộc vào ngữ cảnh giao tiếp.

### 2.3. Kết quả khảo sát hành vi ngôn ngữ trách trong ca dao Việt Nam

Chúng tôi đã tiến hành thu thập được 295 ngữ liệu về ca dao có chứa hành vi trách xuất hiện trong các ngữ cảnh khác nhau. Dưới đây là kết quả khảo sát.

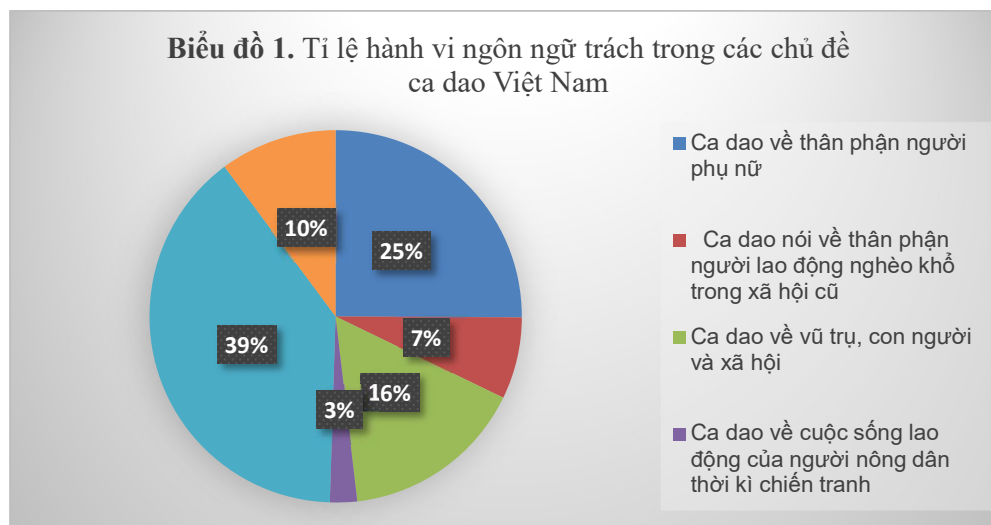
**Bảng 1.** Kết quả khảo sát hành vi ngôn ngữ trách trong ca dao Việt Nam

STT	Chủ đề	Số lượng	Ví dụ
1	Ca dao về thân phận người phụ nữ	74	- <i>Phận em sao lắm dở dang</i> <i>Cầm tiêu tiêu gãy, cầm đàn đứt dây</i> - <i>Thân em như hạt mưa sa</i> <i>Hạt vào đài các hạt ra ruộng cày</i>
2	Ca dao nói về thân phận người lao động	21	- <i>Nước non lận đận một mình</i> <i>Thân cò lên thác xuống ghềnh bấy nay</i> - <i>Thương thay lũ kiến li ti</i>

STT	Chủ đề	Số lượng	Ví dụ
	nghèo khổ trong xã hội cũ		<i>Kiểm ăn được mấy phải đi tìm môi - Thương thay con cuốc giữa trời Đầu kêu ra máu có người nào nghe.</i>
3	Ca dao về vũ trụ, con người và xã hội	47	<i>- Trách người một, trách ta mười Bời ta bạc trước, cho người tẽ sau - Ăn thì ăn những miếng ngon Làm thì chọn việc công con mà làm</i>
4	Ca dao về cuộc sống lao động của người nông dân thời kì chiến tranh	7	<i>- Ra đồng gió mát thành thơ Thương người nằm võng nắng nôi ở nhà</i>
5	Ca dao về tình yêu đôi lứa	116	<i>- Chàng ơi, phụ thiếp làm chi? Thiếp như cơm nguội đỡ khi đói lòng! - Vì ai cho thiếp võ vàng Vì chàng tư lự, hoa tàn nhị rơi! Cực lòng thiếp lắm chàng ơi! Biết rằng lên ngược, xuống xuôi đường nào?</i>
6	Ca dao về hôn nhân và gia đình	30	<i>- Hầm duyên lấy phải chồng đàn Có dấm mầu ruộng bán dần mà ăn. - Trời mưa ướt lá đài bi Con mẹ mẹ xót, xót gì con dâu.</i>
	Tổng	<b>295</b>	

Kết quả khảo sát cho thấy: hành vi ngôn ngữ trách xuất hiện trong mỗi chủ đề với số lượng khác nhau. Trong đó, ca dao về tình yêu đôi lứa là chủ đề sử dụng hành vi ngôn ngữ trách nhiều nhất với 116 ngữ liệu. Bên cạnh đó các chủ đề ca dao về thân phận người phụ nữ, ca dao nói về thân phận người lao động nghèo khổ trong xã hội cũ, ca dao về vũ trụ, con người và xã hội, ca dao về cuộc sống lao động của người nông dân thời kì chiến tranh,... cũng xuất hiện hành vi ngôn ngữ trách nhưng với số lượng ít hơn.

Biểu đồ thể hiện số lượng hành vi ngôn ngữ trách trong các chủ đề ca dao:



Dựa vào kết quả thống kê, chúng tôi tiến hành phân chia hành vi trách trong ca dao Việt Nam thành hai nhóm: Hành vi ngôn ngữ trách trực tiếp và hành vi ngôn ngữ trách gián tiếp. Trong đó, hành vi trách trực tiếp có 77 bài; hành vi trách gián tiếp có 218 bài.

**Bảng 2.** Hành vi ngôn ngữ trách trực tiếp và gián tiếp trong ca dao Việt Nam

Hành vi ngôn ngữ trách	Hành vi trách trực tiếp	Hành vi trách gián tiếp	Tổng số
Số lượng	77	218	295
Tỷ lệ %	26,1	73,9	100%

### 2.3.1. Miêu tả hành vi trách trực tiếp trong ca dao Việt Nam

Qua khảo sát trong kho tàng ca dao Việt Nam, chúng tôi thu thập được 77 bài ca dao sử dụng hành vi ngôn ngữ trách trực tiếp. Kết quả được thể hiện trong bảng sau:

**Bảng 3.** Kết quả khảo sát hành vi ngôn ngữ trách trực tiếp trong ca dao Việt Nam

STT	Chủ đề	Số lượng	Ví dụ
1	Ca dao về thân phận người phụ nữ	24	- Lấy chồng chẳng biết mặt chồng Đêm nằm tơ tưởng ngỡ ông láng giềng Sụt sùi túi phận hờn duyên Oán cha <b>trách</b> mẹ tham tiền bán con
2	Ca dao về tình yêu đôi lứa	36	- <b>Trách</b> cha trách mẹ em làm Cho nên em phải khóc thắm sớm mai. - <b>Trách</b> chàng chẳng dám trách ai

STT	Chủ đề	Số lượng	Ví dụ
			<i>Trách chàng chê nụ hoa nhài không thơm</i>
3	Ca dao về vũ trụ, con người và xã hội	17	<i>Trách người một, trách ta mười Bởi ta bạc trước cho người tệ sau</i>
	Tổng	77	

Kết quả khảo sát ở bảng trên cho thấy, ca dao về thân phận người phụ nữ có 24 bài sử dụng hành vi ngôn ngữ trách trực tiếp, chiếm 31,16 %. Ca dao về vũ trụ, con người và xã hội có 17 bài, chiếm tỉ lệ 22,07 %. Đặc biệt, ca dao về tình yêu đôi lứa có tỉ lệ cao nhất với 36 bài, chiếm 46,75%.

Sau đây là một số nhận xét về hành vi ngôn ngữ trách trực tiếp trong ca dao Việt Nam.

### VỀ CHỦ ĐỀ TRÁCH

Chủ đề của hành vi *trách* trực tiếp trong kho tàng ca dao Việt Nam rất phong phú và đa dạng. Đọc ca dao Việt Nam, chúng ta có thể thấy hành vi ngôn ngữ *trách* xuất hiện trong hầu hết các chủ đề như ca dao than thân, ca dao về tình yêu nam nữ. Ngoài ra, ca dao về vũ trụ, con người và xã hội cũng có sử dụng hành vi *trách* trực tiếp nhưng với số lượng ít hơn. Lí giải cho điều này, phải chăng do thời điểm ca dao ra đời khi xã hội có sự phân chia giai cấp sâu sắc, con người phải chịu nhiều thế lực áp bức, bất công? Những nhu cầu, khát vọng về hạnh phúc cá nhân hầu như không được đáp ứng, số phận con người phụ thuộc vào nhiều yếu tố khách quan như cha mẹ, những quan điểm giáo lí, tầng lớp thống trị... Trong hoàn cảnh ấy, con người có xu hướng tìm đến ca dao - một hình thức diễn xướng dân gian để bày tỏ nỗi lòng, nói lên những nỗi niềm thầm kín. Vì lẽ đó, những bài ca dao than thân, ca dao tình yêu đôi lứa chiếm số lượng lớn.

### VỀ BIỂU THỨC NGỮ VI CỦA HÀNH VI TRÁCH TRỰC TIẾP

Dựa vào kết quả khảo sát, chúng tôi rút ra cấu trúc tổng quát của BTNV *trách* tường minh như sau:

$$S + V(\text{trách}) + H + \text{NDMĐ}$$

Trong đó: S là người đưa ra hành vi trách; V(trách) là động từ ngữ vi *trách*; H là người nghe, đồng thời cũng là người tiếp nhận hành vi trách; NDMĐ là mệnh đề chứa nội dung của hành vi trách. Trong bốn thành tố này, thì thành tố V (trách) là thành tố đặc trưng của BTNV *trách* tường minh, giúp phân biệt BTNV *trách* tường minh với BTNV của các hành vi ngôn ngữ khác. Về thành tố NDMĐ, qua khảo sát, chúng tôi nhận thấy đối tượng trách thường là *cha mẹ, chàng, trời, người, ai...* Đây cũng là thành tố làm nên đặc trưng của BTNV *trách* trong ca dao Việt Nam.

Ví dụ:

*Lấy chồng chẳng biết mặt chồng  
Đêm nằm tơ tưởng ngỡ ông láng giềng*

*Sự sù tử phạt hồn duyên*

*Oán cha trách mẹ tham tiền bán con*

Trong ví dụ trên, S (người đưa ra hành vi trách) là người con gái; V(động từ ngữ vi) là *trách*; H (người tiếp nhận hành vi trách) là cha mẹ của cô gái. NDMĐ thể hiện sự oán trách, nỗi tủi hờn của người con gái đối với cha mẹ đã tham tiền gả con cho người mà cô gái không quen biết.

Ví dụ:

***Trách cha trách mẹ em lắm***

*Cho nên em phải khóc thắm sớm mai.*

***Trách chàng chẳng dám trách ai***

***Trách chàng chê nụ hoa nhài không thơm***

Trong ví dụ trên, S chính là người phụ nữ; V(động từ ngữ vi) là *trách*; H (người tiếp nhận hành vi trách) là cha mẹ và chàng – người thương của cô gái. Trong lời trách của cô gái có hai NDMĐ: thứ nhất, thể hiện sự trách móc của người con gái đối với cha mẹ (trách cha mẹ đã gả con gái cho một kẻ không ra gì); thứ hai, sự trách móc của cô gái đối với thái độ chê bai, ghê lạnh của chàng trai đối với cô gái.

Về đặc điểm của các thành phần trong biểu thức ngữ vi trách trực tiếp

a. Chủ thể trách (S) và đối tượng tiếp nhận (H)

Khảo sát 295 ngữ liệu ca dao Việt Nam, chúng tôi nhận thấy, thành tố S trong một hành vi ngôn ngữ trách thường ở ngôi thứ nhất, số ít. Người nói thường xưng *em, thiếp, ta, người...* Đối tượng tiếp nhận hành vi trách cũng rất đa dạng, có thể là *cha mẹ, chàng, người cầm lái, người quân tử...* Thậm chí, đối tượng tiếp nhận hành vi trách cũng có thể là một đối tượng phiếm chỉ “ai” hoặc là đối tượng siêu nhiên huyền bí. Ví dụ:

***- Trách cha trách mẹ em lắm***

*Cho nên em phải khóc thắm sớm mai.*

***- Trách ai ăn giấy bỏ bìa,***

*Khi thương thương vôi, khi lia lia xa.*

***- Cây đa tróc gốc thợ mộc đang cưa***

*Gặp em từ lúc ban trưa*

***Trách trời vôi tôi phân chưa hết lời.***

b. Động từ ngôn hành trách - V(trách)

Trong BTNV trách tường minh, V(trách) được dùng theo đúng các điều kiện của động từ ngôn hành nói chung. Đó là: V(trách) phải ở thì hiện tại, dùng với chủ ngữ ở ngôi thứ nhất và bổ ngữ ngôi thứ hai. Khảo sát 77 ngữ liệu ca dao Việt Nam, chúng tôi nhận thấy, hầu hết BTNV trách tường minh sử dụng động từ ngữ vi là *trách*, có 1 trường hợp *trách* đi kèm với *oán*. Một số động từ nói năng dùng để biểu thị hành vi *trách* như: *khiến*

*trách, chê trách, trách mắng, trách móc, trách cứ, khiến trách, ...* hầu như không thấy xuất hiện trong ca dao Việt Nam.

Ví dụ:

- **Trách** người một, **trách** ta mười  
 Bời ta bạc trước cho người tẽ sau  
 - **Trách** người quân tử bạc tình,  
 Chơi hoa rồi lại bẻ cành bán rao  
 - **Lấy** chồng chẳng biết mặt chồng  
 Đêm nằm tơ tưởng ngỡ ông láng giềng  
 Sụt sùi tui phận hờn duyên  
**Oán** cha **trách** mẹ tham tiền bán con

c. Nội dung mệnh đề trách

Nội dung mệnh đề của hành vi trách tường minh là phần chứa thông tin về hành vi, thái độ, cách ứng xử mà H đã gây ra cho S trước đó. Vì trách là hành vi tiêu cực, người ta chỉ trách ai đó khi người đó gây ra lỗi lầm hoặc có thái độ, ứng xử không tốt với người nói, nên nội dung mệnh đề của hành vi trách tường minh thường là nói về lỗi lầm, thái độ hoặc cách ứng xử không tốt của H đối với S. Những cách ứng xử, thái độ đó của H thường gây ra một hậu quả tiêu cực đối với S, khiến S buồn rầu, tủi hổ hoặc đau khổ. Chẳng hạn:

- **Trách** người quân tử bạc tình,  
 Chơi hoa rồi lại bẻ cành bán rao

Nội dung mệnh đề trong hai câu ca dao trên là thông tin về hành vi bạc bẽo, phụ tình của chàng trai đối với cô gái.

Hoặc trong câu:

- **Trách** cha trách mẹ em lắm  
 Cho nên em phải khóc thắm sớm mai.

Nội dung mệnh đề là lời oán trách của cô gái đối với cha mẹ, vì tham tiền mà gả bán con gái cho người mà cô không yêu, để cuộc sống của cô phải chịu nhiều đau khổ, buồn tủi.

Tìm hiểu nội dung mệnh đề trong các biểu thức ngữ vi trách tường minh, chúng tôi nhận thấy xuất hiện một số phương tiện từ vựng giàu màu sắc biểu cảm như: *lâm, khóc thắm, chê, bỏ, tẽ, bạc, bạc tình, tui, hờn, sụt sùi...*

### VỀ HIỆU QUẢ NGHỆ THUẬT CỦA HÀNH VI TRÁCH TRỰC TIẾP TRONG CA DAO VIỆT NAM

Khảo sát nội dung các bài ca dao, chúng tôi nhận thấy hành vi trách trực tiếp trong ca dao đem lại những hiệu quả nghệ thuật như sau:

Thứ nhất, hành vi trách trực tiếp thể hiện thái độ rõ ràng, không nước đôi của người nói, giúp làm nổi bật quan điểm, thái độ hoặc cảm xúc của nhân vật trữ tình. Ví dụ trong

câu “Trách cha trách mẹ em làm/Cho nên em phải khóc thắm sớm mai.” thể hiện sự trách móc của người con gái đối với cha mẹ của mình, phê phán lễ giáo hà khắc “cha mẹ đặt đâu con ngồi đấy”, người phụ nữ đã mạnh mẽ lên tiếng bày tỏ thái độ. Hành vi *trách* ở đây không chỉ thể hiện sự trách móc cha mẹ vì gả con gái nhầm chỗ mà con thể hiện sự bất lực, buồn tủi trong cuộc sống của người phụ nữ.

Thứ hai, hành vi trách trực tiếp còn góp phần khắc họa tính cách nhân vật. Bởi lẽ, chỉ những người có tính cách thẳng thắn, bộc trực, mạnh mẽ thì mới có thể mạnh dạn nói lên tiếng lòng của bao người dân trong xã hội phong kiến lúc bấy giờ. Khi mà hàng ngàn con người hàng ngày vẫn gánh chịu biết bao luật lệ đè nén, thì đâu đó vẫn vang lên những tiếng nói phê phán, than trách như: Sụt sùi tủi phận hồn duyên/ Oán cha trách mẹ tham tiền bán con”.

Thứ ba, hành vi trách trực tiếp có thể là một công cụ để tác giả trực tiếp lên án cái ác, sự thờ ơ, bất công trong xã hội phong kiến. Điều này giúp người đọc dễ nhận ra thông điệp và tư tưởng của ca dao. Thật vậy, khi phân tích các ngữ liệu ca dao về con người, xã hội chúng ta thấy rằng cuộc sống của người nông dân xưa như hiện lên trước mắt người đọc, làm cho độc giả cảm thấy bồi hồi, đồng cảm và xót thương cho những kiếp người sống trong ách đô hộ.

### 2.3.2. Hành vi trách gián tiếp trong ca dao Việt Nam

Khảo sát kho tàng ca dao Việt Nam, chúng tôi nhận thấy, hành vi ngôn ngữ trách gián tiếp được sử dụng rất nhiều với 218/295 bài, chiếm 73,9%. So sánh với hành vi trách trực tiếp có thể thấy hành vi trách gián tiếp chiếm tỉ lệ vượt trội.

Hành vi ngôn ngữ trách gián tiếp là hành vi ngôn ngữ có đích ở lời là trách được thực hiện thông qua hành vi ngôn ngữ khác. Chẳng hạn, trách được thực hiện thông qua hành vi *hỏi, cảm thán, mỉa mai, trần thuật...* Mặc dù cách hiểu về hành vi ngôn ngữ trách gián tiếp là khá rõ ràng, nhưng khi vận dụng cách hiểu này vào việc xác định hành vi ngôn ngữ trách gián tiếp trong ca dao lại không hề đơn giản, bởi lẽ ranh giới giữa các hành vi ngôn ngữ trình bày với hành vi biểu cảm không thực sự rõ ràng. Chẳng hạn:

- *Phận em sao lắm dở dang*

*Cầm tiêu tiêu gãy, cầm đàn đứt dây*

- *Mẹ em thấy của thời ham*

*Hang hùm cứ tưởng hang vàng ép con*

*Nói ra then với nước non*

*Ngậm vào cay đắng lòng con đêm ngày*

Những câu ca dao trên vừa có hành vi *hỏi (sao lắm...)*, vừa có hành vi miêu tả (cha mẹ tưởng người con trai là người giàu có nên ép gả con), vừa có hành vi than (Ngậm vào cay đắng lòng con đêm ngày), đồng thời lại hàm chứa cả hành vi trách (cha mẹ tham vàng). Hiệu lực ở lời trách được thể hiện qua các phương tiện từ ngữ như *sao lắm, dở dang, then, cay đắng, lòng con...*

Sự phức tạp khi nhận diện hành vi trách trong ca dao còn thể hiện ở việc xác định các hành vi ngôn ngữ đồng thời có mặt trong phát ngôn chứa hành vi ngôn ngữ trách gián tiếp, cụ thể đầu là hành động trực tiếp – thứ yếu và đầu là hành động gián tiếp – thứ yếu.

Trước những khó khăn nêu trên, nghiên cứu này lựa chọn giải pháp không tập trung vào xác định/phân biệt hành động ngôn ngữ trực tiếp – thứ yếu và hành vi ngôn ngữ gián tiếp – thứ yếu, mà chỉ tập trung xác định hành vi ngôn ngữ trách gián tiếp trong những câu ca dao xuất hiện đồng thời cả hai hành vi ngôn ngữ. Bên cạnh đó, xác định hành vi ngôn ngữ trách gián tiếp thực chất là xác định nghĩa hàm ẩn của phát ngôn, vì vậy, khi phân tích, chúng tôi sẽ dựa vào một số căn cứ như nghĩa tường minh (nghĩa của từ ngữ, các quy tắc ngữ pháp được sử dụng) và ngữ cảnh (hoàn cảnh, tình huống nói năng cụ thể) của câu ca dao.

Trong quá trình khảo sát, chúng tôi nhận thấy, hành vi trách gián tiếp được thực hiện thông qua một số hành vi trực tiếp, chẳng hạn trách thông qua hỏi, trách thông qua miêu tả, trách thông qua than,... Hỏi, miêu tả, than cũng là những hành vi xuất hiện phổ biến trong các phát ngôn ca dao có hiệu lực ở lời trách. Dưới đây chúng tôi phân tích một số trường hợp.

*a. Hành vi ngôn ngữ trách được thực hiện thông qua hành vi hỏi*

Kết quả khảo sát cho thấy, hành vi trách được thực hiện thông qua hành vi hỏi chiếm số lượng khá nhiều. Dưới đây là một số ví dụ:

*- Người sao một hẹn thì nên*

*Người sao chín hẹn thì quên cả mười?*

Xét ở bình diện hiển ngôn, phát ngôn được thực hiện dưới hình thức hỏi với cấu trúc “người sao...?”. Trên bề mặt câu chữ, đây là câu hỏi tu từ, người nói không nhằm tìm kiếm thông tin mà thể hiện một sự đánh giá ngầm ẩn. Tuy nhiên, xét về lực ngôn trung, mục đích của phát ngôn không phải hỏi mà là trách. Người nói (S) không trực tiếp quy kết người nghe “thất hứa” hay “bội ước”, mà thông qua cấu trúc nghi vấn và cách diễn đạt tăng cấp *một – chín – mười* để bộc lộ sự trách móc. Nội dung trách trước hết hướng vào hành vi thất hứa lặp lại (“chín hẹn thì quên cả mười”), qua đó quy chiếu đến một phẩm chất đáng chê trách: sự thiếu thành ý, thiếu thủy chung trong quan hệ tình cảm. Ngữ cảnh giao tiếp ở đây có thể là giữa chàng trai và cô gái đang tồn tại mối quan hệ tình cảm nào đó, nhờ vậy, người nghe có thể suy ra lực ngôn trung thực sự của phát ngôn. Đó không phải là câu hỏi thông thường mà là lời trách cứ về việc lỗi hẹn của chàng trai. Cấu trúc “người sao...” lặp lại 2 lần tạo nên sắc thái đay đả cho lời trách. Việc lựa chọn hình thức câu hỏi tu từ thay vì lời trách trực tiếp giúp người nói giảm nhẹ mức độ đe dọa thể diện, làm cho hành vi trách mang sắc thái biểu cảm trách móc hơn là chê bai, phê phán. Như vậy, trong trường hợp này, hành vi hỏi trực tiếp đã tạo nên nghĩa hàm ẩn cho phát ngôn.

Một số ví dụ khác:

- Chim chuyền nhành ót líu lo  
 Sầu ai nên nỗi óm o gầy mòn?  
 - Hỡi cô tát nước bên đàng,  
 Sao cô múc ánh trăng vàng đổ đi ?  
 - Chàng về cho chóng mà ra,  
 Kéo em chờ đợi sương sa lạnh lùng  
 Con lạnh còn có con nóng  
 Con đắp áo ngắn, con chung áo dài  
 Hay là chàng đã nghe ai,  
 Áo ngắn chẳng đắp, áo dài chẳng chung?

*b. Hành vi ngôn ngữ trách được thực hiện thông qua hành vi cảm thán*

Hành vi ngôn ngữ cảm thán là kiểu hành vi ngôn ngữ dùng để bộc lộ trực tiếp tình cảm, cảm xúc, thái độ của người nói/người viết trước sự vật, sự việc. Hành vi ngôn ngữ này thường có những dấu hiệu ngôn ngữ đặc trưng như sử dụng các từ cảm thán (ôi, chao ôi, trời ơi, thay...) và kết thúc bằng dấu chấm than. Tuy nhiên, trong ca dao Việt Nam, hành vi cảm thán không chỉ dừng ở chức năng bộc lộ cảm xúc mà còn thực hiện chức năng dụng học. Trong nhiều câu ca, hành vi cảm thán được sử dụng như một hành vi gián tiếp để thực hiện hành vi trách. Dưới đây là một ví dụ:

*Tiếc thay cái đợi bịt vàng  
 Dem ra đong cám lờ làng duyên em.*

Hai câu ca dao mang nhiều tầng nghĩa. Trên bề mặt, câu ca dao thể hiện hành vi cảm thán (qua dấu hiệu ngôn ngữ “tiếc thay”) vì một thứ giá trị là *đợi* quý, được *bịt vàng* lại đem dùng để *đong cám* - một thứ tầm thường, dùng làm thức ăn cho lợn gà. Đặt trong ngữ cảnh của ca dao, các hình ảnh này mang nghĩa hàm ẩn, chỉ sự không tương xứng trong quan hệ hôn nhân: người con gái đẹp, có phẩm giá nhưng lại phải kết duyên với người không tương xứng. Chính sự đối lập giá trị này là cơ sở để hình thành nội dung trách cứ. Đối tượng của hành vi trách ở đây không được gọi tên trực tiếp, khiến người nghe có thể liên tưởng cô gái trách số phận, trách hoàn cảnh hoặc trách chính đối tượng kết duyên. Việc lựa chọn hành vi cảm thán thay cho lời trách trực diện giúp người nói vừa bộc lộ bất bình, vừa giữ được sự tế nhị, kín đáo trong lời trách mà không kém phần sâu sắc, tinh tế.

*c. Hành vi ngôn ngữ trách được thực hiện thông qua hành vi miêu tả:*

Ví dụ:

*- Ra đồng gió mát thành thơ  
 Thương người nằm võng nắng nôi ở nhà*

Đặt trong ngữ cảnh thông thường, có thể hiểu là *ra đồng* tức là lao động vất vả, cực nhọc, ở nhà *nằm võng* tức là hưởng cảnh an nhàn, mát mẻ. Tuy nhiên, hai câu ca dao nói trên lại dùng cách nói ngược: ra đồng để hưởng gió mát thành thơi, còn nằm ở nhà lại chịu cảnh nắng nôi nóng bức. Chính cách nói ngược này tạo nên hàm ý sâu sắc. Nó không còn là hành vi miêu tả thông thường nữa mà đó là một lời trách cứ, mỉa mai, châm biếm những kẻ lười biếng, không chịu làm lụng. Việc sử dụng hành vi trách hàm ẩn này giúp nhân vật trữ tình vừa bộc lộ thái độ bất bình với những kẻ lười nhác vừa bộc lộ sự trách cứ, mỉa mai một cách kín đáo nhưng không kém phần sâu sắc.

*- Bởi vì chàng, nên chi thiếp phải chịu đòn oan.*

*Thân phụ già đánh mắng, thế gian người ta chê cười!*

Xét trên bề mặt, hai câu ca dao sử dụng hành vi ngôn ngữ miêu tả. Về cấu trúc, phát ngôn “Bởi vì chàng...” cho thấy các vế của hai câu ca dao có quan hệ nhân quả, trong đó chàng ở vế nguyên nhân, hệ quả là “thiếp phải chịu đòn oan”, “thân phụ già đánh mắng”, “thế gian chê cười”. Về nội dung, hai câu ca dao nêu lên một thực tế: vì chàng trai nên cô gái phải gánh chịu nhiều hậu quả như bị đòn oan, cha mẹ đánh mắng, người đời cười chê. Tuy nhiên, mục đích của hai câu ca dao trên không dừng lại ở việc kể lể sự tình mà hướng đến thực hiện hành vi trách. Nội dung trách tập trung và hai vấn đề: vì chàng mà cô phải chịu đòn oan, bị cha mẹ đánh mắng, và nặng nề hơn, đó là bị cả xã hội lên án, cười chê. Như vậy, hành vi trách không chỉ nhằm vào hành vi cá nhân mà còn phê phán sự thiếu trách nhiệm của chàng trai trước hậu quả xã hội mà chàng đã gây ra cho người con gái.

Một số ví dụ khác:

*- Mang bầu tới quán rượu dâu,*

*Say hoa đắm nguyệt quên câu ân tình.*

*Cách sông, cách núi cho cam*

*Cách một chỗ lội, thiếp chàng xa nhau.*

*- Buổi xuân xanh thiếp chẳng gặp chàng,*

*Bây giờ năm con bầy cái, ra đàng gặp nhau.*

### **Hiệu quả nghệ thuật của hành vi trách hàm ẩn**

Hành vi ngôn ngữ trách gián tiếp trong ca dao Việt Nam đem lại hiệu quả nghệ thuật rất tinh tế và sâu sắc.

Trước hết, hành vi trách gián tiếp tạo nên chiều sâu tư tưởng và cảm xúc cho ca dao. Hành vi trách gián tiếp thường không trực tiếp lên án hay chỉ trích, mà dùng hình ảnh ẩn dụ, biểu tượng, hoặc lối nói vòng vo để truyền đạt thông điệp. Điều này tạo nên chiều sâu tư duy và cảm xúc, đòi hỏi người đọc phải chiêm nghiệm để hiểu hết ý nghĩa.

Thứ hai, hành vi trách hàm ẩn còn thể hiện sự tinh tế trong cách diễn đạt. Việc trách móc một cách hàm ẩn thể hiện sự khéo léo, tế nhị của người viết hoặc nhân vật. Thay vì phê phán thẳng thừng, họ gửi gắm lời trách trong sự nhẹ nhàng, đôi khi mỉa mai, châm

biếm sâu cay – điều này tạo nên sức hút văn chương độc đáo. Ví dụ , bài ca dao nói về thân phận của người phụ nữ có sử dụng hành vi trách hàm ẩn như sau:

*Thân em như cá giữa rào  
Kẻ chài người lưới biết vào tay ai  
Thân em như con cá rô thia  
Ra sông mắc lưới, vào đìa mắc câu*

Câu ca dao là một lời than thân, trách phận đầy chua xót của người phụ nữ trong xã hội phong kiến Việt Nam xưa. Người phụ nữ như con cá bị giam cầm trong rào, không có quyền tự do quyết định cuộc đời mình. Họ hoàn toàn phụ thuộc vào sự lựa chọn của người đàn ông. Trên bề mặt câu chữ, câu ca dao sử dụng hành vi than nhưng ẩn sau đó là hiệu lực ở lời trách. Đó là lời trách cứ về số phận, về cuộc đời của người con gái. Các hình ảnh ẩn dụ *cá giữa rào, chài, lưới, câu, mắc* cho ta thấy thân phận phụ thuộc của người phụ nữ.

Một điểm chung giữa hành vi trách trực tiếp và hành vi trách gián tiếp là gợi sự đồng cảm nơi người đọc/người nghe. Khi lời trách được thể hiện gián tiếp, người đọc có xu hướng cảm nhận sâu hơn, từ đó tự khám phá, liên hệ với cảm xúc của chính mình. Điều này tạo nên sự đồng cảm sâu sắc và khiến thông điệp mà ca dao đem lại được lan tỏa mạnh mẽ hơn. Do không nói thẳng, lời trách hàm ẩn thường tạo ra dư vị sâu lắng, khiến người đọc phải suy nghĩ, thậm chí day dứt. Chính vì vậy, nó thường mang lại hiệu quả lâu dài với người đọc sau khi đọc xong ca dao Việt Nam.

### 3. KẾT LUẬN

Từ những kết quả trên đây, có thể khẳng định, hành vi trách trong ca dao Việt Nam xuất hiện với tần suất đáng kể. Có hai hình thức trách là trách trực tiếp và trách gián tiếp. Trong đó, hành vi trách được thực hiện thông qua biểu thức ngữ vi tường minh, lực ngôn trung trực tiếp, rõ ràng. Trong khi đó, hành vi trách gián tiếp lại được thực hiện theo cách tinh tế hơn. Thông qua các hành vi ngôn ngữ như hỏi, cảm thán, mỉa mai, phê phán, chủ thể trữ tình bộc lộ sự trách cứ đối tượng một cách nhẹ nhàng, không trực diện, đồng thời tạo nên tính hàm súc, tính đa nghĩa cho lời ca. Việc sử dụng hành vi ngôn ngữ trách với một tỉ lệ cao cho thấy, người Việt xưa ưa thích sử dụng lối trách cứ hàm ẩn, bóng gió nhằm tránh xung đột trực diện. Đặc điểm này cũng hoàn toàn phù hợp với xu hướng giao tiếp ưa thích sự hài hoà, nhã nhặn của người Việt Nam xưa. Những kết quả nghiên cứu nói trên cũng khẳng định lí thuyết hành vi ngôn ngữ có khả năng ứng dụng hiệu quả trong nghiên cứu văn học dân gian, đồng thời mở ra hướng nghiên cứu liên ngành giữa ngữ dụng học và văn học trong khám phá cấu trúc và chức năng của diễn ngôn truyền thống. Trong tương lai, có thể mở rộng việc nghiên cứu hành vi ngôn ngữ trách với đặc trưng văn hoá giao tiếp của người Việt, hoặc nghiên cứu trách như một chiến lược diễn ngôn...

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Phan Thị Việt Anh (2009), *Hành vi trách của người Việt trong ca dao trữ tình*, Luận văn thạc sĩ, Trường ĐHSP Hà Nội.
2. Đỗ Hữu Châu (2007), *Đại cương ngôn ngữ học* tập 2, Ngữ dụng học, Tái bản lần thứ ba, Nxb Giáo dục Hà Nội
3. Nguyễn Đức Dân (1998), *Ngữ dụng học* tập một, Nxb Giáo dục
4. Nguyễn Thu Hạnh (2022), *Hành vi ngôn ngữ trách trong tiếng Việt và việc sử dụng của giáo viên ở môi trường sư phạm*, Luận án tiến sĩ, Trường ĐHSP Hà Nội
5. Đặng Thị Mai Hồng (2001), *Hành vi trách móc trong ca dao Quảng Bình*, *Ngữ học trẻ 2001*, Diễn đàn học tập và nghiên cứu, Hội Ngôn ngữ học Việt Nam, 398-404
6. Nguyễn Thiện Giáp (2000), *Dụng học Việt ngữ*, Nxb ĐHQG Hà Nội
7. Grice, H.P. (1975), *Logic and Conversation*, Syntax and Semantics, vol.3 edited by P. Cole and J. Morgan, Academic Press. Reprinted as ch.2 of Grice 1989, 22–40
8. Hoàng Phê (1992), *Từ điển tiếng Việt*, Trung tâm Từ điển ngôn ngữ
9. George Yule (1996), *Dụng học*, Nxb ĐH Quốc gia Hà Nội.

**THE SPEECH ACT OF REPROACH IN VIETNAMESE FOLK SONGS**

*Do Thi Thu Huong, Nguyen Thu Huong, Nguyen Thi Van*

**Abstract:** *The speech act of reproach appears frequently in Vietnamese folk songs (ca dao), yet it has not been systematically investigated. This study aims to identify, classify, and analyze reproachful speech acts in Vietnamese ca dao, focusing on both direct and indirect forms. The corpus consists of 295 folk songs containing instances of reproach. Using descriptive and analytical methods combined with statistical and classificatory techniques, the study categorizes reproachful speech acts in Vietnamese ca dao into two main types: direct reproach and indirect reproach. It also examines several key features of these speech acts, including the themes of reproach, the illocutionary expressions used to perform reproach, the components of these expressions, the implicit illocutionary force underlying indirect reproach, and the artistic effects produced by both direct and indirect reproach in Vietnamese ca dao. The findings contribute to a better understanding of the pragmatic characteristics and expressive functions of reproach in Vietnamese folk discourse.*

**Keywords:** *speech act; reproach; direct reproach; indirect reproach; Vietnamese folk songs.*

*(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 11-3-2026; ngày phân biện đánh giá: 24-3-2026; ngày chấp nhận đăng: 13-4-2026)*